

Số: 23/BC-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO SƠ KẾT

Thực hiện quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo công văn số 451/SGDDĐT-VP ngày 19 tháng 02 năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung

- Tên cơ quan báo cáo: Trường THPT Nguyễn Khuyến
- Họ và tên người lập báo cáo: Phạm Huy Hùng; ĐT di động: 0919021970

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Nhà trường đã tập trung nghiên cứu, quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, thành phố Hải Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về chuyển đổi số và Đề án 06 tới cán bộ đảng viên, giáo viên, nhân viên và học sinh và phụ huynh học sinh.

- Các Nghị quyết, kế hoạch, chương trình, dự án, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đã được ban hành.

+ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"

+ Thông báo Kết luận Phiên họp lần thứ 5 Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Tổ công tác triển khai Đề án 06 ngày 25 tháng 02 năm 2023.

+ Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch và dự toán thuê dịch vụ "Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành";

+ Quyết định số 1323/QĐ-SGDĐT ngày 22/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GDĐT Hải Phòng;

+ Công văn số 73/SGDDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện chữ ký số và quản lý đối với Sổ điểm, Học bạ, Sổ đăng bộ điện tử năm học 2023-2024

+ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về Ngày Chuyển đổi số quốc gia, theo đó lựa chọn ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

+ Văn bản số 4507/VPKSTTHC ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành

phổ Hải Phòng về việc triển khai Nền tảng học trực tuyến đại trà để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

+ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

+ Văn bản số 2518/SGDĐT-VP ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục năm học 2023-2024;

+ Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023-2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, khai thác, sử dụng thiết bị công nghệ, chuyển đổi số trong đổi mới nội dung dạy, học cho đội ngũ giáo viên và xây dựng kho học liệu số của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

- Nhà trường đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số và đề án 06 trong năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

+ Kế hoạch số 27/KH-THPTNK ngày 10/3/2023 thực hiện công tác chuyển đổi số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

+ Kế hoạch số 68/KH-THPTNK ngày 21/9/2023 tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến, năm học 2023-2024.

+ Kế hoạch số 70/KH-THPTNK ngày 29/9/2023 ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024.

+ Quyết định số 130/QĐ-THPTNK ngày 11/10/2023 thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm học 2023-2024.

+ Quyết định số 131/QĐ-THPTNK ngày 11/10/2023 kiện toàn Tổ giúp viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm học 2023-2024.

+ Kế hoạch số 81/KH-THPTNK ngày 19/10/2023 thực hiện công tác chuyển đổi số năm học 2023-2024.

+ Quyết định số 175/QĐ-THPTNK ngày 21/11/2023 ban hành quy chế dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến từ năm học 2023-2024.

+ Hướng dẫn số 08/HD-THPTNK ngày 10/11/2023 thực hiện công tác chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn và quản trị nhà trường từ năm học 2023-2024.

III. Kết quả thực hiện Đề án

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- Thực hiện rà soát, nâng cấp và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối internet gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục của nhà trường và kinh tế xã hội của địa phương đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số theo tinh thần và Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cấp đường truyền tốc độ cao đảm bảo tốc độ đường truyền đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường.

- Đầu tư tranh thiết bị, cơ sở hạ tầng như máy vi tính, ti vi, màn hình Led, âm thanh, loa máy, camera.

- Hợp tác với các đơn vị cung cấp, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ số.

- Tổ chức các khoá kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với thực tiễn ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường.

- Phối hợp với VNPT trong công tác tập huấn và cài đặt chữ ký số cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường.

2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự kiểm tra, đánh giá; lưu hồ sơ, minh chứng về mức độ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học theo bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên kèm theo Quyết định 4725 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 12 năm 2022.

* **Kết quả:** Nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đánh giá mức độ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học đạt mức độ 2.

- Nhà trường đã áp dụng phần mềm Office 365 trong dạy và học, kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh, phụ huynh và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở nhà trường. Nhà trường tạo tài khoản email cho học sinh để thống nhất trong triển khai và quản lý việc học, điểm danh học sinh.

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

- 100% GV sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm ... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

*** Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.**

- Việc số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay vẫn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi

trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

- Trình độ tin học của một vài cán bộ, giáo viên còn hạn chế nên việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn.

- Hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động chuyển đổi số chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều phần mềm khi sử dụng còn phải trả phí cao.

3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự kiểm tra, đánh giá; lưu hồ sơ, minh chứng về mức độ chuyển đổi số trong hoạt động quản trị và cơ sở dữ liệu theo bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên kèm theo Quyết định 4725 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 12 năm 2022.

* **Kết quả:** Nhà trường được Sở GD&ĐT Hải Phòng đánh giá mức độ chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu đạt mức độ 3.

- Nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt KHBD qua phần mềm quản lý chuyên môn.

- 100% CBQL, giáo viên thực hiện chữ ký số các loại văn bản, hồ sơ điện tử.

*** Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.**

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

4. Kết quả triển khai dịch vụ trực tuyến

- Theo phân cấp quản lý, nhà trường không thực hiện các thủ tục hành chính mức 3, 4 trên hệ thống liên thông các sở, ngành của thành phố. Tuy nhiên, các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường sẽ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử tạo điều kiện cho việc liên hệ, tra cứu thông tin đối với học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân.

- Nhà trường tích cực áp dụng và triển khai phần mềm **Sisap** trong thanh toán trực tuyến đối với các khoản đóng góp của học sinh trong năm học.

- Thực hiện thanh toán 100% các khoản kinh phí cho người lao động thông qua tài khoản ngân hàng.

- 100% các khoản chi hoạt động của nhà trường được thanh toán bằng biên lai điện tử.

*** Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.**

- Nhiều phụ huynh không có điện thoại hoặc tài khoản cá nhân nên việc triển khai phần mềm **Sisap** tại nhà trường trong thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn.

5. Kết quả phát triển nguồn nhân lực

- Nhà trường đã phối hợp với Công ty cổ phần Học viện tư vấn chuyên đổi số Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Học viện trực tuyến kiến thức, kỹ năng và công nghệ Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số. Kết quả: 59/59 thầy cô giáo và cán bộ quản lý của nhà trường tham gia và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình chuyên đổi số trong hoạt động dạy và học.

- Kiện toàn ban chỉ đạo chuyên đổi số của trường đảm bảo đúng quy định, bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực phụ trách công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số của nhà trường đạt hiệu quả tốt.

- 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

*** Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.**

- Hiện tại nhà trường chưa được giao nhân lực phụ trách công tác chuyên đổi số và nguồn kinh phí triển khai công tác chuyên đổi số nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Với Thủ tướng Chính phủ: Không
2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Không
3. Với các Bộ, ngành (nêu rõ tên bộ, ngành): Không

Trên đây là báo cáo sơ kết thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" của trường THPT Nguyễn Khuyến.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng

Phụ lục 2
BIỂU SỐ LIỆU THỐNG KÊ KẾT QUẢ SAU 02 NĂM THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo công văn số 451/SGDDĐT-VP ngày 19 tháng 02 năm 2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu)
1	Số lượng nhà giáo (giáo viên/giảng viên) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số giáo viên có máy tính: 56 đạt tỉ lệ: 100% - Tổng số giảng viên có máy tính: . đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số giáo viên có đường truyền Internet: 56 tỉ lệ: 100% - Tổng số giảng viên có đường truyền Internet: đạt tỉ lệ: ...%
2	Người học (học sinh/sinh viên) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số học sinh có máy tính: 658 đạt tỉ lệ: 51.3% - Tổng số sinh viên có máy tính: ..đạt tỉ lệ: ...% - Tổng số học sinh có đường truyền Internet: 1283 tỉ lệ: 100% - Tổng số sinh viên có đường truyền Internet: tỉ lệ: ...%
3	Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> Nếu có, - Số nền tảng: 01 - Office 365 - Số nền tảng là sản phẩm trong nước: - Số lượng học sinh/ sinh viên tham gia sử dụng nền tảng, đạt tỉ lệ: ...%
4	Cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> Nếu có, Tổng số cơ sở giáo dục đại học đã cung cấp: Không tỉ lệ: . %
5	Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học chiếm % - Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm 3.3%

STT	Nội dung triển khai	Kết quả (số liệu)
6	Triển khai học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc	Nếu có, Tổng số lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đã triển khai: đạt tỉ lệ: %
7	Triển khai đào tạo người học lấy văn bằng đại học thứ hai tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc (trong đó, thời lượng đào tạo bằng hình thức trực tuyến $\geq 50\%$)	Nếu có, Tổng số người học lấy bằng đại học thứ hai có thời lượng đào tạo trực tuyến $\geq 50\%$: đạt tỉ lệ:%
8	Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số	Nếu có, - Tổng số cơ sở giáo dục đã triển khai: đạt tỉ lệ: .. % - Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 1283 đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 59 đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu: , đạt tỉ lệ: ..% - Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Sở được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số: ..., đạt tỉ lệ: ..% - Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Phòng được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số:..., đạt tỉ lệ: .%
9	Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	- Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán):., đạt tỉ lệ:% - Số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4:, đạt tỉ lệ: ..% - Số lượng (ước tính) người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục: 1283, đạt tỉ lệ: 100% - Số lượng (ước tính) tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục: đạt tỉ lệ %